



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ĂN HOA SỮA

THỰC ĐƠN HỌC SINH – PHƯỜNG LONG BIÊN
BỮA CHÍNH VÀ BỮA PHỤ TRƯỞNG TIỂU HỌC LONG BIÊN

Tuần 18+ năm học 2025-2026

(Từ ngày 12/01/2026 đến 16/01/2026)

TT	Thứ 2 (12/01)	Thứ 3 (13/01)	Thứ 4 (14/01) <i>Bữa ăn học đường</i>	Thứ 5 (15/01)	Thứ 6 (16/01)
1	Thịt lợn kho mắm	Cá rô phi file chiên xù	Tôm nõn rim thịt băm	Thịt gà om nấm	Học sinh nghỉ Học Kỳ I
2	Ruốc thịt gà	Đậu mơ sốt cà chua	Trứng kho tàu	Đậu tằm hành	
3	Bắp cải, cà rốt xào	Cải ngọt xào tỏi	Dưa hấu	Giá đỗ xào cà rốt	
4	Canh cải ngọt nấu thịt	Canh bí xanh nấu thịt	Canh cải cúc nấu thịt	Canh cải thảo nấu thịt	
5	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	Cơm trắng	
6	Sữa chua Viamilk	Bánh gato Hoa Sữa	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Bánh Gibon bơ sữa	



ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG

TRƯỞNG
TIỂU HỌC
LONG BIÊN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Dặng Thị Mai Hương

ĐẠI DIỆN CMHS

*Hương
Trần Thị Hương*

ĐẠI DIỆN CÔNG TY HOA SỮA



GIÁM ĐỐC

Bùi Quang Hoàn

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN XUẤT ẨM HOA SỮA

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG BIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

Suất ăn 35.000đ trên một suất và quà chiều

Thực đơn tuần 18+ (từ ngày 12/01/2026 đến 16/01/2026)

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
								Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (12/01)	Thịt lợn kho mắm	Thịt lợn	gram	80	140,000	11,200	60-65	Chất đốt	1,200	
	Ruốc thịt gà	Thịt gà file	gram	35	95,000	3,325	15-20	Nhân công	4,500	
	Bắp cải, cà rốt xào	Bắp cải, cà rốt	gram	90	25,000	2,250	50-55	Lãi dự kiến	600	
	Canh cải ngọt nấu thịt	Cải ngọt	gram	28	25,000	700	220-240	Phí quản lý	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Khấu hao	300	
	Sữa chua Viamilk	Sữa chua Viamilk	hộp	1	5,000	5,000		Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000		VAT	2,600	
	Cộng thứ 2					26,155			9,800	35,955
Thứ 3 (13/01)	Cá rô phi file chiên xù	Cá rô phi file	gram	65	105,000	6,825	50-52	Chất đốt	1,200	
	Đậu mướt sốt cà chua	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	60-65	Nhân công	4,500	
		Cà chua	gram	10	30,000	300		Lãi dự kiến	600	
	Cải ngọt xào tỏi	Cải ngọt	gram	90	25,000	2,250	40-45	Phí quản lý	300	
	Canh bí xanh nấu thịt	Bí xanh	gram	28	25,000	700	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Bánh gato Hoa Sữa	Bánh gato Hoa Sữa	hộp	1	4,500	4,500		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					4,000				
	Cộng thứ 3					23,005			9,800	32,805
Thứ 4 (14/01)	Tôm nõn rim thịt băm	Thịt lợn	gram	50	140,000	7,000	55-60	Chất đốt	1,200	
		Tôm nõn	gram	20	250,000	5,000		Nhân công	4,500	
	Trứng kho tàu	Trứng gà	quả	1	3,050	3,050	40-45	Lãi dự kiến	600	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	25,000	2,000	70-75	Phí quản lý	300	
	Canh cải cúc nấu thịt	Cải cúc	gram	28	25,000	3,500	220-240	NRB+ N.lau sàn	150	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		Khấu hao	300	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Nước sạch	150	
	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		VAT	2,600	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					1,000				
	Cộng thứ 4					29,230			9,800	39,030



Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống	ĐG/Kg	Thành tiền	TP chín/hs	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
								Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (15/01)	Thịt gà om nấm	Thịt gà file	gram	90	95,000	8,550	60-65	Chất đốt	1,200	
	Đậu tằm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	55-60	Nhân công	4,500	
	Giá đỗ xào cà rốt	Giá đỗ, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	40-42	Lãi dự kiến	600	
	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	gram	28	25,000	3,500	220-240	Phí quản lý	300	
		Thịt lợn	gram	2	140,000	280		NRB+ N.lau sàn	150	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	20,000	2,400	220-300	Khấu hao	300	
	Bánh Gibon bơ sữa	Bánh Gibon bơ sữa	bánh	1	3,500	3,500		Nước sạch	150	
	Gia giảm (gia vị: dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)					3,000		VAT	2,600	
	Cộng thứ 5					24,605			9,800	34,405
Thứ 6 (16/01)	Học sinh nghỉ học kì I									
	Cộng thứ 6					-			0	-

